TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST Ngày: 22-6-2022 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

2. Ông Nguyễn Minh Chí.

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn T Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Võ T Ph, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Tân Quang 2, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có mặt; bị đơn anh Võ T Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2022, bản tự khai ngày 18/01/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Võ T Ph kết hôn với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2008 ngày 06/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc, đến năm 2018 chị và anh Ph bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Ph không thay đổi. Vào năm 2018 chị đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, trong quá trình tòa án giải quyết thì anh Ph mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và viết cam kết sửa đổi không đánh đập chị nữa. Lúc đó chị

tin tưởng anh Ph sẽ thay đổi nên đã rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn về chung sống một thời gian thì anh Ph vẫn đánh chị nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ph và chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2021 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ph, chị và anh Ph đã không có khả năng hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Ph có 02 con chung tên Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Võ T T và Võ Thị T Ng, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Ph không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh Ph không có nợ chung.

Bị đơn anh Võ T Ph trình bày trong quá trình tham gia tố tụng: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh thừa nhận khi nóng tính anh có đánh chị T nhưng anh vẫn còn thương yêu chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T có 02 con chung tên Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007. Anh không đồng ý ly hôn nhưng trong trường hợp tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Võ T T và Võ Thị T Ng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ T Ph đang cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Võ T Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ T Ph.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Võ T Ph kết hôn với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2008 ngày 06/6/2008 nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh Ph là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị T và anh Ph cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa chị T và anh Ph có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Ph có hành vi thường xuyên đánh đập chị T, đã được khuyên ngăn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, anh Ph không đồng ý ly hôn vì cho rằng

vẫn còn thương yêu chị T nhưng qua các lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng thì anh Ph vắng mặt, thể hiện anh Ph không có thiện chí để hàn gắn tình cảm. Mặc dù anh Ph không đồng ý nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Ph không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T và anh Ph ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh Ph xác định có 02 con chung tên Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007. Chị T và anh Ph đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Cháu Võ T T và Võ Thị T Ng hiện đang sống cùng chị T được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi. Bản thân cháu T và cháu Ng cũng có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ, để bảo đảm cuộc sống ổn định cho con chung cũng như tạo điều kiện cho cháu T và cháu Ng phát triển về mọi mặt thì cần giao con chung Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận tạm thời anh Ph không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Ph xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn với anh Võ T Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Võ T Ph.

- Về con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim T và anh Võ T Ph có 02 con chung tên Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007.

Giao con chung Võ T T, sinh ngày 17/5/2014 và Võ Thị T Ng, sinh ngày 02/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận tạm thời anh Võ T Ph không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ T Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0012924 ngày 20/01/2022. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp xong.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Võ T Ph vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết .định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**